

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Kim Huệ.
- Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1998; địa chỉ: số 105, ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh A.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: số 182A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2022 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2015, chị D và anh H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới đến năm 2016 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152

vào ngày 20/12/2016. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 7/2021 chị D đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau không đoàn tụ được, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Ngọc Thảo Uyên, sinh ngày 01/8/2017. Từ khi vợ chồng sống xa nhau còn chung do chị D nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị D khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn H đã được Toà án giao thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh H để tham gia phiên hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Trần Thị Mỹ D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: chị D và anh H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị D và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Ngọc Thảo Q, sinh ngày 01/8/2017 cho chị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không có yêu cầu Toà án giải quyết

nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Trần Văn H có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn H đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Văn H tổ chức đám cưới vào năm 2015 đến năm 2016 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152 vào ngày 20/12/2016 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị D trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 7/2021 thì chị D đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay không đoàn tụ được, cuộc sống vợ chồng mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Như vậy, việc vắng mặt của anh H được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2023, bà Trần Thị Phượng là mẹ của anh H trình bày: Vợ chồng anh H và chị D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015. Vợ chồng anh H sống chung với nhau đến năm 2021 thì vợ chồng cự cãi nhau trong khi làm ăn và D đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hai bên gia đình cũng đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ lại và H cũng đến nhà cha mẹ vợ để rước vợ về nhiều lần nhưng con dâu nói không còn tình cảm với H nữa nên không chịu về đoàn tụ mà đòi ly hôn. Việc con dâu làm đơn xin ly hôn thì H có biết vì Tòa án có gửi giấy thông báo và giấy triệu tập cho H nhưng do H bận đi làm từ sáng đến tối mới về nhà. Bà Phượng có kêu H đến Tòa nhưng H nói bận đi làm không đến Tòa án được mà để Tòa án

tự giải quyết theo quy định của pháp luật và H cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của D.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D đối với anh Trần Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Ngọc Thảo Q, sinh ngày 01/8/2017. Từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và chị D khẳng định đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Trần Ngọc Thảo Quyên, sinh ngày 01/8/2017 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị D vẫn khẳng định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị D và anh H trong vụ kiện này.

[2.4] Về nợ chung: Chị D khẳng định vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Thảo Q, sinh ngày 01/8/2017 cho chị Trần Thị Mỹ D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai số 0013794 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lập Vò;
- Chi cục THADS H.Lập Vò;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đ;
(CNKH 152 ngày 20/12/2016)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội